

## Phẩm 1: GIÁO KHỞI NHÂN DUYÊN

(Nhân duyên lập giáo).

- Số từ câu: “Nhân duyên: Trở xuống: Văn của phần Số giải này gồm có hai: Một là nêu đại ý của sự phát khởi. Hai là: Từ câu: “tiên nhân hậu duyên” (Trước nhân sau duyên) trở xuống: Là chia đoạn giải thích riêng.

1. Nêu đại ý của sự phát khởi: phần một này có ba đoạn nhỏ:

a) Chính thức giải thích.

b) Dẫn chứng.

c) Biện giải về những vướng mắc, trở ngại.

a. Chính thức giải thích:

- Trước là nêu pháp.

- Tiếp theo: Từ câu “Nhược Tu Di” (Như núi Tu Di) tiếp xuống là Dụ.

- Sau: Từ Câu: “Kim dao Như Lai” (Nay đức Như Lai khởi động) tiếp xuống là kết hợp.

Như Lai thì hợp với núi, trí tuệ thì hợp với biển. Ý của đoạn văn này xuất xứ từ Luận Đại Trí Độ, nay chuyển theo sử dụng tính chất nổi bật nơi ý của luận ấy. Tức là trong Luận Đại Trí Độ, phần nêu câu hỏi, viết: “Do nhân duyên gì mà đức Phật thuyết giảng kinh Bát-nhã Ba-la-mật? Chư Phật không bao giờ không có duyên cố hay vì duyên cố nhỏ mà giảng nói kinh. Ví như núi chúa Tu Di không bao giờ không có duyên cố hay vì duyên cố nhỏ mà lay động. Vậy nay do những nhân duyên lớn nào khiến Phật thuyết giảng kinh Bát-nhã Ba-la-mật?. Ý của đoạn Luận này cho việc thuyết giảng kinh Bát-nhã như núi Tu Di lay động. Nay, mở đầu nói về Núi Tu Di là nhấn mạnh về người, tức chủ thể thuyết giảng. Biển trí tuệ thì chung cho chủ thể thuyết giảng và đối tượng được thuyết giảng. Lay động là chỉ cho trí Phật của chủ thể thuyết giảng. Nói về biển trí tuệ của Như Lai, tức là chỗ khác với kinh Bát-nhã. Lại như trong kinh Hoa Nghiêm giảng nói rộng về thân Phật cùng trí Phật, nên thân Phật, trí Phật là chung cho cả phần đối tượng được thuyết giảng (Pháp được nêu giảng).

b. Số từ câu: “Cố hạ kinh” (Nên phần kinh tiếp theo) trở xuống: Là đoạn nhỏ thứ hai: Dẫn chứng.

c. Số từ câu: “Xuất hiện bản vi” (Gốc của sự xuất hiện là) trở xuống: Là đoạn nhỏ thứ ba, biện giải về những vướng mắc, trở ngại. Như có trường hợp nêu vấn nạn về câu “Chẳng phải là do một duyên

v.v...” nên mới nêu rõ về duyên của sự xuất hiện. Nay, đem đoạn dẫn chứng đó để giảng nói, về kinh há là thỏa đáng. Cho nên nay đã thông rằng: Gốc của sự xuất hiện là một nhân duyên lớn. Một nhân duyên lớn ấy tức là “Trí Phật Hoa Nghiêm”, là đã biết rõ duyên của sự xuất hiện tức duyên của Hoa Nghiêm.

2. Chia đoạn, giải thích riêng:

- Số từ câu: “Tiên nhân hậu duyên, các khai thập nghĩa” (Trước nhân, sau duyên, đều chia ra mười nghĩa) trở xuống: Là Phần thứ hai (của môn thứ nhất) chia chương đoạn để giải thích riêng từng đoạn, chương.

Trong phần này gồm hai đoạn chính: Một là nêu lên cả đôi (nhân duyên) Hai là giải thích cả cặp. Đoạn nêu lên cả đôi có thể nhận biết.

- Số từ câu: “Nhân thập nghĩa” (Mười nghĩa của nhân) trở xuống: Là giải thích cả cặp. Trong đoạn “Trước nêu nhân” cũng chia làm ba:

a) Nêu ra.

b) Giải thích.

c) “Mười nghĩa được nêu trên” trở xuống: Thông hợp với sự giải thích để kết luận về sự thuộc về.

- Số từ câu: “Ngôn pháp nhĩ giả” (Gọi là pháp nhĩ tức tính chất như vậy rõ ràng của các pháp) trở xuống: Là giải thích: Tức là mười đoạn.

**1. Nay nói về đoạn một:** (Pháp ứng nhĩ: pháp vốn như thế) tức pháp nhĩ: (Tính chất như vậy rõ ràng của các pháp) Văn của phần Số giải được phân làm bốn:

- Chính thức giải thích.

- Dẫn chứng.

- Giải thích tóm kết.

- Biện giải chỗ vướng mắc.

Văn của đoạn đầu (chính thức giải thích) có thể nhận biết.

- Số từ câu: “Cố bất tư nghị phẩm” (Nên trong phẩm Bất Tư Nghị) trở xuống là đoạn dẫn chứng. Đây tức là quyển thứ bốn mươi bảy kinh Hoa Nghiêm nói về “Pháp Đại Na La Diên Tràng Dũng Kiện” thứ năm của chư Phật. Kinh nói: “Này Phật tử! Tất cả chư Phật đều có thể đối với nơi một thân tướng... chúng cho đến chúng sanh trong pháp giới làm cho thấy đều được nghe, mỗi mỗi âm thanh Phật diễn giảng ngân ấy tạng Tu-đa-la, mỗi mỗi Tạng Tu-đa-la diễn nói ngân ấy pháp như thế, mỗi mỗi pháp có ngân ấy văn tự, câu nghĩa như thế, diễn giảng như vậy trải qua, ngân ấy kiếp như thế, hết số lượng kiếp ấy, trở lại diễn nói trải

qua ngần ấy kiếp như thế. Lần lượt như vậy, cho đến tận cùng tất cả thế giới số lượng nhiều như hạt bụi; tận cùng tất cả mọi tâm niệm của chúng sanh, cả số lượng kiếp ở đời vị lai cũng có thể cùng tận. Nhưng pháp luân của hóa thân Như lai đã chuyển là không có cùng tận. Đó là pháp luân Trí tuệ diễn nói, pháp luân đoạn trừ các thứ nghi hoặc, pháp luân soi chiếu hết thấy các pháp, pháp luân khai mở kho tàng vô ngại, pháp luân khiến cho vô lượng chúng sanh hoan hỷ, thuận phục, pháp luân chỉ rõ tất cả hạnh của Bồ tát, pháp luân là mặt trời đại trí tuệ lên cao, tròn đầy, pháp luân là ngọn đèn trí tuệ sáng rực, tỏa chiếu khắp thế gian, pháp luân biện tài vô úy với đủ thứ đủ loại trang nghiêm. Như một thân Phật dùng diệu lực thần thông chuyển vô số các pháp luân khác nhau như vậy. Tất cả các pháp trong thế gian không thể lấy làm ví dụ. Như thế đến tận cùng cõi hư không, nơi mỗi mỗi đầu sợi lông với chốn cõi được phân hạn, có số lượng thế giới nhiều như số hạt bụi nơi các cõi Phật nhiều không thể diễn nói, không thể nêu bày, trong mỗi mỗi thế giới, từng niệm từng niệm hiện ra số lượng hóa thân nhiều như số hạt bụi nơi các cõi Phật nhiều không thể diễn nói, không thể nêu bày. Nơi mỗi mỗi hóa thân đều cũng như vậy, tức chỗ giảng nói về âm thanh, văn tự, câu nghĩa, mỗi mỗi đều sung mãn nơi tất cả pháp giới, trong đó, mọi chúng sanh đều được hiểu rõ, mag âm thanh của Phật giảng nói không biến đổi, không gián đoạn, không có cùng tận. Đó là pháp “Đại Na La Diên Tràng Dũng Kiện “Thứ năm của chư Phật”.

Đoạn kinh trên, nơi bản Sở giải chỉ lược dẫn, trong ấy có dùng chữ “Nhĩ sở (Ngần ấy... như thế) còn văn trong kinh thì viết là “Bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát vi trần số” (Số lượng nhiều như số hạt bụi trong các cõi Phật nhiều không thể diễn nói, không thể nêu bày).

- Sở từ câu: “Tứ tắc xứ dĩ mao đoạn” (Đây chính là nơi chốn do đầu sợi lông...) tiếp xuống: Là đoạn nhỏ thứ ba: Giải thích tóm tắt. Giải thích tóm tắt về văn của kinh, trở thành nói về đoạn đầu là chính thức giải thích. Trong đó, hai câu đầu là chính thức tóm tắt. Sau, từ câu “xứ tắc” (Xứ thì...) trở xuống là giải thích trở lại. Pháp giới cùng khởi lên là tính chất “tức khắc” Như ánh trăng hiện ra nơi trăm dòng sông, chẳng phải là từ đông hướng tới tây v.v... Nên thời gian dài không dứt gọi là thường, tức không gián đoạn, đã là thường, là biến hiện khắp nên không đợi nhân riêng.

- Sở từ câu: “Đãn tùy kiến văn” (Song, tùy theo chỗ thấy nghe) trở xuống: Là đoạn nhỏ thứ tư, biện giải về chỗ vướng mắc, có trường hợp nêu vấn nạn: Đã bao gồm chiều dọc, chiều ngang (Thời gian, không

gian), giảng nói tận cùng về thời gian, nơi chốn, sao lại có cái ban đầu của sự mới thành tựu, cái chung cuộc của chín hội? Vậy để thông suốt vấn nạn ấy, phần giải đáp gồm hai chi tiết: Trước là chính thức giải đáp về chỗ vướng mắc, có thể nhận biết. Sau, từ câu “Linh tâm ư thử” (Khiến tìm ở đây) trở xuống: Là trở lại làm thông tỏ vấn nạn lần nữa. Vấn nạn cho rằng: “Lời tóm lược quá ít, sao có thể diễn đạt được hết lý vô tận?”. Cho nên để thông suốt được vấn nạn này thì cần phải lãnh hội lý viên dung, kiến giải tuy ít nhưng có thể thấu tóm đến vô tận, có sự ứng hợp giữa pháp và dụ. Từ câu “Dĩ nhất xứ” (do một xứ) tiếp xuống là giải thích xong nghĩa đã nêu trên. Thời gian, nơi chốn đã là pháp một, nhiều tương tức thì một há không bao hàm được nhiều sao?

**2. Đoạn hai:** Sở câu: “Nhị thù túc nhân giả” (Hai là ứng hợp do nhân từ trước). Văn của bản Sở giải nơi đoạn này được chia làm năm:

- Nêu ra chương, môn.
- Từ câu “Hà dĩ” (do đâu) tiếp xuống: Là sự chuyển tiếp.
- Từ câu “Phù căn thâm” (Phạm gốc rễ sau) tiếp xuống: Nêu rõ tính chất sâu rộng của nhân.
- Từ câu “Thâm đại vân hà” (Sâu lớn ra sao) tiếp xuống: Giải thích xong về sự sâu, rộng.
- Từ câu “Túc nhân tuy đa” (nhân từ trước tuy nhiều) tiếp xuống: Là phần chia chương, giải thích riêng: Ở đây, trước là nêu chương, sau là giải thích, đều có thể nhận biết.

**3. Đoạn ba:** Sở “Tam thuận cơ cảm” (ba là thuận với sự cảm ứng nơi cơ duyên) văn của sở được chia làm sáu:

- Nêu ra chương.
- Chuyển tiếp.
- Từ câu “Kỳ du” (sự việc ấy cũng như) tiếp xuống: Nêu dụ để làm rõ Tướng.
- Từ câu “Cố Đâu Suất” (nên kệ tán ở cõi Đâu Suất) tiếp xuống: Dẫn Kinh để chứng minh.
- Từ câu “Quảng hiển” (hiển bày rộng) tiếp xuống: Nêu tóm lược ở chỗ rộng.
- Từ câu “Nhiên thử” (song, sự cảm ứng theo cơ duyên ấy) tiếp xuống: Phân biệt rõ nơi cơ duyên. Nói “Người được nghe của hiện nay là cơ duyên của vị lai” tức trông mong thời gian thuyết giảng kinh là vị lai. Cho nên nơi phẩm Phát Bồ-đề tâm, Bồ tát Pháp Tuệ trong mười phương cùng bạch Phật: “Chúng con thấy nên hộ trì pháp này, khiến cho ở đời vị lai, tất cả các Bồ tát chưa từng được nghe thấy đều được

nghe”. Đấy cũng là cơ duyên của vị lai.

**4. Đoạn bốn:** Sở “Tứ vi giáo bản giả” (Bốn là gốc của giáo pháp):  
Văn được chia làm ba:

- Nêu ra chương.

- Làm rõ về đại ý.

- Từ câu: “Nhiên diệc hữu nhị” (nhưng cũng có hai) tiếp xuống:  
Là phần chia chương, giải thích riêng.

Trong phần đại ý, thì hai câu đầu là xác lập về lý. Cho nên nơi Phẩm Xuất Hiện nói: “Ví như biển lớn có dòng chảy tiềm tàng nơi đại địa của bốn cõi thiên hạ, nếu có người khơi đào sâu nơi đại địa ấy thì sẽ được nước”. Đó là dụ cho trí tuệ của Phật hội nhập khắp trong thân tướng của tất cả chúng sanh. Nay mượn ý ấy để dùng ở đây. Đó tức là Dụ. Câu: “Chẳng có gốc thì không có phần ngọn ngành” là nói về Pháp. Như không có gốc là biển thì chẳng thể có ngọn là dòng chảy ngầm nơi đại địa.

Không có mặt trăng gốc kia thì không có bóng trăng hiện diện nơi trăm dòng sông. Không có pháp thân thì há có được sự ứng hóa? Thế nên không có Pháp căn bản thì sao có được sự luận bàn thích hợp?

Đoạn sau (của phần đại ý). Từ câu “Tương dục” (như muốn...) tiếp xuống: gồm hai câu là chính thức giải thích về nghĩa của Gốc (Bản). Do đó, Tông Thiên Thai chỉ rõ đấy là “Nhũ giáo”. Nhũ (sữa) là gốc của các vị như Lạc (\*) v.v....

- Sở câu: “Phẩm xuất hiện nêu: Như mặt trời mới xuất hiện, trước hết là chiếu sáng nơi các đỉnh núi cao”: Văn nơi kinh viết: “Ví như mặt trời xuất hiện, trước hết là chiếu sáng nơi tất cả các ngọn núi chúa như núi Tu Di v.v... Thứ đến là tỏa chiếu nơi Hắc Sơn, tiếp theo là tỏa chiếu nơi các cao nguyên, sau đấy thì mới chiếu tỏa khắp thủy đại địa. Mặt trời không dấy khởi ý niệm là mình trước chiếu sáng ở đây, sau tỏa chiếu nơi kia. Chỉ là do nơi núi, đất có sự cao thấp, nên sự tỏa chiếu có trước sau. Đức Như Lai Ứng Chánh đẳng Giác cũng như thế. Thành tựu được trí tuệ lớn bao hàm cả vô biên pháp giới, thường phóng hào quang từ trí tuệ lớn vô ngại, trước hết là chiếu sáng nơi các ngọn núi chúa tức các Bồ- tát Ma ha-tát; thứ đến, tỏa chiếu nơi các hàng Duyên-giác, Thanh-văn, tiếp theo là soi chiếu nơi các chúng sanh có đầy đủ thiện căn, tùy theo tâm thức của đối tượng mà chỉ rõ tính chất rộng lớn nơi trí tuệ ấy. Sau đấy thì mới tỏa chiếu khắp nơi tất cả chúng sanh, kể cả hàng “Tà định” cũng đều phổ cập, để tạo nhân duyên lợi ích cho đời vị lai, nên khiến mọi đối tượng đều thành tựu đầy đủ. Nhưng ánh sáng

nơi mặt trời đại trí của đức Như Lai kia không dấy khởi ý niệm: Ta sẽ soi chiếu trước nơi bậc Bồ tát tu tập hạnh lớn, cho đến sau rốt thì tỏa chiếu nơi chúng sanh theo “Tà định”. Mà chỉ là phóng hào quang tỏa chiếu khắp một cách bình đẳng, không chút chướng ngại, không hề có sự phân biệt...”

**Giải thích:** Mới thành bậc Chánh giác thì liền thuyết giảng kinh Hoa Nghiêm, tức là tỏa chiếu nơi các ngọn núi chúa là các Bồ tát. Đây là làm rõ khía cạnh: Trước nêu cái lớn, sau nêu cái nhỏ.

- Sở câu: “Hai là thấu tóm gốc của ngọn”: ở đây có hai: Trước là nêu ra tên gọi. (Phần sau có khả năng là đây, để giải thích tên gọi. “Thâu tóm gốc của ngọn”. Vì Hoa Nghiêm chưa có, nên chưa có thể thâu tóm; lấy Pháp Hoa thâu nhiếp ngọn về gốc, tức quy về Hoa Nghiêm, nên cho Hoa Nghiêm là gốc.

- Sở câu: “Như khi mặt trời sắp lặn, ánh sáng trở lại tỏa chiếu nơi các ngọn núi cao”. Hai nghĩa đều chọn lấy từ ý của phẩm Xuất Hiện trong kinh, để dẫn chứng, nhưng ở đây không nêu văn của kinh. Tức là chỗ kinh Pháp Hoa biện minh, trước nêu về nhỏ, sau nói về lớn, cùng với giáo pháp của ba thời, năm thời. Cái sau của phần sau thì hơn đối với cái trước của phần trước. Pháp Hoa, Niết-bàn chỉ nêu rõ về một cực, là soi chiếu các Bồ tát.

- Sở từ câu: “Không gì là không từ pháp giới ấy lưu hành” tiếp xuống: Là hai cặp dẫn chứng cho hai nghĩa nêu trên. Trước là dẫn Nhiếp Luận, sau là dẫn Pháp Hoa. Trước dẫn Nhiếp Luận: “Không gì là không từ nơi pháp giới mà lưu hành”, tức dẫn chứng cho phần “Gốc của sự mở ra nẻo tiêm”. “Không gì là không quy trở về nơi pháp giới ấy”, tức là dẫn chứng cho phần “Thâu tóm gốc của ngọn”. Đây chính là dùng nghĩa để chứng minh cho giáo pháp. Tức là, chỗ biện minh của Luận về Báo thân, Hóa thân, đều từ nơi Pháp thân sinh ra, quay trở về nơi pháp thân. Pháp thân tức là nghĩa. Nay cho Pháp thân giống như Hoa Nghiêm, nên gọi là dùng nghĩa để chứng minh cho giáo pháp...

- Sở từ câu: “Pháp Hoa cũng cho rằng” tiếp xuống: Là dẫn Pháp Hoa để chứng minh, tức từ chữ Cố trở xuống.

Đại sư Các Tạng đã dẫn điều này để lập ra ba thứ Pháp luân: Một là pháp luân căn bản, hai là pháp luân ngành ngọn, ba là pháp luân thâu tóm ngọn về gốc, trong phần văn, vừa dẫn vừa giải thích đầy đủ cả ba chi tiết ấy.

- Sở câu: “Đây chính là Pháp Hoa cũng nêu rõ kinh này-kinh Hoa Nghiêm, cho là gốc.”: Là tóm kết xong về nghĩa của Gốc. Nếu tự xác

lập mình là gốc thì e rằng nghĩa chưa sáng tỏ. Kinh Pháp Hoa chỉ đây là Gốc thì nghĩa Gốc mới hiển bày. “Mới vừa thấy thân ta thì liền hội nhập nơi trí tuệ của Phật” là kinh Hoa Nghiêm. Cũng khiến được nghe Pháp Hoa hội nhập nơi trí tuệ của Phật, há chẳng phải là chỉ rõ đầu tiên là gốc sao? Lại như nơi quyển thứ nhất của kinh Pháp Hoa nói: “Ở nơi một Phật Thừa, phân biệt nói làm ba Thừa”: cũng là từ gốc dẫn ra ngọn, tức chỉ rõ Hoa Nghiêm là Nhất Thừa. Phân biệt nói ba của ngày trước, thì ba tức các pháp Tứ Đế v.v... được nêu giảng ở Lộc Dã v.v... Nếu không chỉ Hoa Nghiêm là Gốc thì thời gian trước “Lộc Dã” lấy cái gì gọi là Nhất Thừa?

**5. Đoạn năm:** Số “Ngũ hiển quả đức” (Năm là làm rõ đức của quả).

Văn của bản sơ gồm hai: Trước là biện minh tổng quát về đại ý, có pháp, dụ và hợp, có thể nhận biết. Phần sau, từ câu: “Nhiên quả đức hữu nhị” (Nhưng đức của quả có hai) tiếp xuống: Là chia chương giải thích. Trong phần này cũng được chia làm hai: Trước là chính thức giải thích, có thể nhận biết. Sau, từ câu: “Song y, chánh không ngăn ngại” tiếp xuống: Là nói về sự dung thông, trong ấy gồm ba chi tiết: Đầu tiên là dựa theo tính chất hỗ tương của Dụng để nêu rõ về sáu câu. Thứ đến là dựa theo tính chất tương tức của Thể để biện minh về bốn câu. Sau,

Từ câu: “Tùy cử nhất môn” (Một câu được nêu theo đấy) tiếp xuống: Là tóm kết cặp Thể Dụng.

- Số đoạn: “Song, y, chánh không ngăn ngại, chung có sáu câu” đến “Văn ấy chẳng phải là một”: Hai câu đầu chỉ về sự, có thể hiểu. Còn lại chỉ là nêu ra tên gọi. Nhưng ý nghĩa của tương tức, tương nhập, tương tại, thì trong môn thứ ba “Nghĩa lý phân tề” (tính chất giới hạn sai biệt của nghĩa lý) sẽ được biện minh rộng. Mà về tương nhập thì đều có, tính chất “Phân viên vô ngại”.

Nếu theo khía cạnh viên mà bàn, thì nên nói là “Trong cõi có cõi”. Nay nhằm làm rõ sự thù thắng, nên nêu lên phần của “Hạt bụi, sợi lông” để thâm tóm cái chung của cõi, thân.

Nói “Văn ấy chẳng phải là một” Tức như nơi quyển thứ sáu kinh Hoa Nghiêm, kệ tụng của Bồ tát Pháp giới Phổ Minh Tuệ có câu:

*“Cõi Phật: số vi trần  
Các quốc độ như thế  
Nên khiến trong một niệm  
Nơi mỗi mỗi trần hiện”.*

Là nói về câu thứ nhất (y nội hiện y: Trong y hiện rõ y)

Phẩm Thành Tựu nói:

*“Trong mỗi mỗi trần, cõi khó lường  
Theo tâm chúng sanh hiện khắp trước  
Hết thấy “biển cõi” đều hiện hữu  
Như vậy, phương tiện không sai biệt”.*

Cũng là nói về câu thứ nhất.

Phẩm Hiện Tướng có câu:

*“Trong mỗi lỗ chân lông Như Lai  
Có vô số cõi, chư Phật ngồi  
Chúng hội Bồ tát cùng vây quanh  
Diễn nói hạnh Phổ Hiền thù thắng”.*

Phẩm Hồi Hưởng nêu:

*“Trong lỗ chân lông thấy thấy rõ  
Vô lượng Phật, số chẳng thể lường  
Mọi lỗ chân lông đều như thế  
Tất cả đền thế gian lẽ khắp.”*

Phẩm Tăng Kỳ có đoạn:

*“Ở nơi đầu một sợi lông nhỏ  
Có chư Phổ Hiền chẳng kể hết  
Như đầu sợi lông, thấy như vậy  
Như thế cho đến khắp pháp giới”.*

Cả ba đều nói về câu thứ hai (Chánh nội hiện chánh: Trong chánh hiện rõ chánh).

Lại nói:

*“Ở trong lỗ chân lông bé nhỏ  
Vô số các cõi lần lượt vào  
Lỗ lông dung nạp thấy các cõi  
Các cõi chẳng thể đầy lỗ lông”.*

Phẩm Hiện Tướng viết:

*“Như Lai an tọa tòa Bồ-đề  
Một lông thị hiện nhiều “biển cõi”  
Mỗi mỗi lông hiện cũng như vậy  
Cho đến bao trùm khắp pháp giới”.*

Cả hai đều nói về câu thứ ba (Chánh nội hiện y: Trong chánh hiện rõ y).

Kệ của Bồ tát Phổ Hiền nêu:

*“Như nơi hội này thấy Phật ngồi  
Trong hết thấy trần đều như thế*



*Thân Phật không đến cũng không đi  
Nơi các quốc độ thấy hiện rõ”.*

Phẩm Hiện Tướng có đoạn:

*“Hết thấy các cõi số vi trần  
Luôn hiện mây thân thấy sung mãn  
Vì chúng sanh phóng hào quang khắp  
Đều tuôn mưa pháp xúng hợp tâm”.*

Là đều nói về câu thứ tư (Trong y hiện rõ chánh: y nội hiện chánh).

Lại nói:

*“Trong mỗi mỗi trần, vô lượng thân  
Lại hiện vô số cõi trang nghiêm  
Một niệm diệt sanh hiện thấy khắp  
Đạt được ý vô ngại trang nghiêm”.*

Tức là câu thứ năm: “Trong ý hiện rõ cả y, chánh: (y nội hiện y, chánh).

Phẩm Tăng Kỳ có câu:

*“Trong một vi trần thấy đều có  
Cõi Liên Hoa chẳng thể nêu bày  
Trong mỗi mỗi Thế giới Liên Hoa  
Như Lai Hiện Thủ nhiều vô kể”.*

Cũng là nói về Câu thứ năm.

Phẩm thế giới Thành Tựu nói:

*“Trong một lỗ lông cõi khó lường  
Cùng số vi trần loại loại trụ  
Mỗi mỗi đều có đáng Biến chiếu  
Ở trong hội nói pháp diệu”.*

Tức là câu thứ sáu: “Trong chánh hiện rõ cả chánh, y” (chánh trung hiện chánh, y).

Phẩm Hiện Tướng có câu:

*“Hết thấy các cõi Phật  
Mỗi mỗi chư Bồ tát  
Nhập khắp nơi thân Phật  
Vô biên cũng vô lượng”.*

Phẩm Thành Tựu có đoạn:

*“Hết thấy các cõi nhập thân ta  
Chỗ trú chư Phật lại cũng thế  
Ông nên xem cái lỗ chân lông*

*Ta nay chỉ ông cảnh giới Phật”.*

Đều là nói về câu thứ sáu:

- Số câu: “Lại có bốn câu”: Là chi tiết thứ hai, dựa theo tính chất tương tức của thể để nêu rõ về bốn câu. (Ở trên là dựa theo tính chất hỗ tương của dụng để nêu rõ về sáu câu) “Tương tức” thì cùng nhau mất đi cái riêng nên không có hai.

Một: Phật tức là cõi: Thể của Phật tức là Pháp tánh nơi cõi, là bỏ mình theo cái khác. Thể của Phật là rỗng lặng, nên ngoài cõi không có Phật, là do Pháp tánh không hai.

Hai: Cõi tức là thân Phật: Thể của cõi là Pháp tánh nơi thân, là bỏ cái khác theo mình. Thể của cõi là rỗng lặng, nên ngoài Phật không có cõi, là do Pháp tánh không hai, dùng tánh dung thông tương, nên thân, cõi tương tức.

Ba: Cùng hợp: Tức là có thân có cõi, không hủy hoại tương. Nếu không thân không cõi thì không có sự tương tức.

Bốn: Cùng mất: Nghĩa là, Phật tức cõi nên chẳng phải là Phật. Cõi tức là Phật nên chẳng phải là cõi. Do cùng xâm đoạt lẫn nhau.

- Số Câu: “Tùy cử nhất môn đức nhiếp nhất thiết” (Theo đấy, nêu lên một môn đức thấu tóm hết thấy): Là chi tiết thứ ba, tóm kết cả cặp Thể, Dụng. Do hai môn tương tức, tương nhập là một Thể, nên ngoài Thể không có Dụng, chính là tương tức. Ngoài Dụng không có Thể, chính là tương nhập. Cũng như không có ánh sáng của bên ngoài gương, gương của bên ngoài ánh sáng.

Nói: “Đều như phần dưới đây sẽ nêu bày” tức chỉ nơi môn “Nghĩa lý phân tề” (Tính chất giới hạn, sai biệt của nghĩa lý) sẽ bàn rõ.

**6. Đoạn sáu:** Sơ “Lục chương địa vị” (Sáu là làm sáng rõ quả vị): Văn của bản số là hai phần: Trước là làm rõ một cách tổng quát về đại ý. Sau là chia chương giải thích riêng.

a) Trong phần trước có hai: Một là biện minh thuận về ý ấy. Hai là, từ câu “Phàm Thánh Nhân”. Tiếp xuống: Xác lập lý làm rõ trở lại sự thành tựu.

Câu: “Cái rất quý của Thánh Nhân là ngôi vị”, tức lấy từ sách Chu Dịch, phần Hệ Từ hạ. Sách ấy viết: “Đức lớn của trời đất là sanh (sinh sinh hóa hóa), cái rất quý của Thánh nhân là ngôi vị” (Chu Dịch, Hệ Từ hạ, chương bảy, đoạn mười, theo bản dịch của Nguyễn Hiến Lê). Chủ giải: “Phàm không có Dụng thì không có chỗ quý giá, có dụng thì có chỗ quý giá. Không dụng mà luôn đủ thì không gì thâm diệu bằng đạo. Có dụng mà hoằng dương đạo ấy thì không gì lớn bằng ngôi vị.

Cho nên nói “Cái rất quý của Thánh nhân là ngôi vị” (quả vị).

- Sở Câu: “Nếu không có quả vị ấy thì sự hành hóa không thành tựu” Tức là làm rõ trở lại sự thành tựu cần phải có quả vị.

b) Sở từ câu: “Ở đây cũng có hai đoạn” tiếp xuống: Là phần sau, chia chương giải thích. Phần này gồm ba:

Một là chính thức giải thích.

Hai là dung hợp.

Ba là dẫn chứng.

- Trong phần một (chính thức giải thích).

Trước giải thích tính chất Hành Bồ . Hành bồ (\*) là nêu bày, phân bố theo thứ tự, tức tính chất cao thấp sâu cạn. Như hội thứ hai (kinh Hoa Nghiêm) nêu rõ về mười Tín, hội thứ ba nêu rõ về mười Trụ, hội thứ tư biện minh về thập Hạnh, hội thứ năm biện minh về mười Hồi Hương, hội thứ sáu nêu rõ về thập Địa, hội thứ bảy nêu rõ về Đẳng Giác. Trước chẳng phải là sau, sau chẳng phải là trước, nên gọi là hành bồ.

Sau: Giải thích tính chất Viên Dung: Nói viên dung (\*) tức là dung thông viên mãn. Giải thích văn bản sơ có hai: Một là chính thức giải thích, hai là dẫn chứng. Trong phần đầu, có hai nghĩa:

Một là, văn của sơ viết: “Một quả vị liền thấu tóm tất cả các quả vị”: Đây là biện giải tổng quát về tính chất cùng thấu nhiếp, tức là trong bốn mươi hai quả vị, theo đây nêu lên một quả vị, tức là thấu tóm hết thấy các Quả vị kia. Như Trụ thứ nhất là Phát Tâm thì thấu nhiếp chín Trụ còn lại, cùng thấu nhiếp quả vị về Hạnh, Hồi Hương, Địa v.v...

Hai là, văn của sơ viết: “Mỗi mỗi quả vị viên mãn tức đạt đến quả vị Phật” Đây là biện minh riêng về tính chất cùng thấu nhiếp của năm thứ quả vị. Như Trụ thứ nhất thu nhiếp nơi Hạnh thứ nhất, Hồi Hương thứ nhất, Địa thứ nhất. Trụ thứ hai thu nhiếp các Hạnh, Hồi Hương, Địa thứ hai v.v... Nên trụ thứ mười viên mãn. Gọi là “Quán Đỉnh vị”. Khi Địa thứ mười viên mãn, cũng gọi là Quán Đỉnh mà thành tựu quả vị Phật.

“Cho nên thập Hạnh thì trí Ba-la-mật tròn đầy, Mười địa thì trí Ba-la-mật viên mãn. Nơi đỉnh đầu của Tỳ-kheo Hải Tràng hiện ra chữ Phật thuyết pháp (kinh Hoa Nghiêm quyển thứ sáu mươi ba) sau Quán Đỉnh Trụ là nêu rõ về Phật”, tức là sự việc này. Trước chỉ dựa theo lý hành nói về viên dung, ở đây gồm cả việc biện minh về hành, chứng tương tự.

- Sở từ câu: “Địa thứ nhất nói” tiếp xuống: Là dẫn chứng (của phần giải thích viên dung) Văn gồm ba chi tiết:

Một là, Câu: “Trong một địa thân nhiếp đủ công đức của tất cả các địa: Đây là theo nơi địa hiện có, tự cùng thân nhiếp lẫn nhau. Một địa thân tóm cả thập Địa. Dùng một nêu dẫn nhiều, mỗi mỗi quả vị đều như thế. Trên là chính thức dẫn văn.

Hai là, Câu: “Quả vị tín bao quát cả biến quả”: Đây là biện minh về tính chất cùng thân nhiếp của năm quả vị. Trong phẩm Hiền Thủ, cho đến “đạt được “Quán Đỉnh” mà bước lên quả vị trên”. Đây tức là dẫn nghĩa để chứng minh.

Ba là, Câu: “Lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác”: Là chính thức biện minh, dùng trước thu nhiếp sau, chung nơi hai nghĩa. Nếu quả vị Trụ viên mãn, thành Phật, tức là quả vị hiện có, lấy trước thu nhiếp sau. Nếu rốt ráo của quả vị, thành Phật, tức quả vị khác cùng hưởng về. Lấy trước thu nhiếp sau, như trong bốn mươi hai tự môn đều là chữ A (\*) gồm đủ cả chữ bốn mươi hai là Đồ (\*).

Tóm lại có ba nghĩa:

Một: Nêu lên một quả vị thì thu nhiếp tổng quát cả năm mươi hai quả vị.

Hai: Nêu lên một quả vị, thu nhiếp cả năm thứ quả vị.

Ba: Nêu trước thu nhiếp sau.

Lại có: sau thu nhiếp trước. Trước, sau thu nhiếp khoảng giữa. Giữa thu nhiếp cả trước sau. Một thu nhiếp tất cả. Tất cả thu nhiếp một. Một thu nhiếp một. Tất cả thu nhiếp tất cả. Theo như lý mà suy là vậy.

Ở trên nói: “Lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác”, tức là chính thức nêu dẫn văn của kinh. Phẩm Phạm Hạnh nói: “Nếu các Bồ tát có thể cùng hành quán như thế tương ứng, ở trong pháp không sinh hai kiến giải, thì tất cả pháp Phật mau chóng hiện ra nơi trước mặt, lúc mới phát tâm liền đạt được quả vị Vô thượng chánh đẳng Chánh giác, nhận biết hết thấy các pháp là tự tánh của Tâm, thành tựu trí tuệ nơi chính mình, không nhờ sự giác ngộ của người khác...” Nay lược nêu dẫn như trên.

- Sở từ câu: “Song, hai cái ấy không ngăn ngại” tiếp xuống: Là nói về sự dung hợp (của phần B). Phần này gồm hai: Trước là biện giải, định rõ về tướng. Sau là chính thức biện minh về sự dung hợp.

Trong phần trước có hai câu: Hành bố, viên dung thì lấy giáo đối hợp với lý, lấy tướng đối hợp với tánh. Tiếp theo, chánh thức nêu về viên dung, thì chỉ dung hợp tánh, tướng.

- Về đôi thứ nhất: Tức là theo giáo pháp của “Năng thuyết” thì sự hành bố chẳng đồng. Còn theo diệu lý của “Sở thuyết” thì tính chất

viên dung không hề ngăn ngại.

- Về đôi thứ hai: Theo như trong Sở thuyên, nếu dựa theo Tướng thì sâu cạn không giống nhau, nếu dựa theo Tánh thì dung thông không có hai.

Nói “Dụng của đức”, tức là nói về tác dụng nơi tướng của đức.

- Sở từ câu: “Tướng là tướng của tánh” tiếp xuống: chính thức biện minh về sự dung hợp. Văn của đoạn này có ba lượt:

Lượt một: Biện minh về tính chất không ngại.

Lượt hai: Tức sự hỗ tương thành tựu. Nghĩa là gốc vô lượng thì theo tướng nơi hành bố. Gốc viên dung thì một lý bình đẳng. Nay viên dung và hành bố đã không ngăn ngại nhau, nên thành tựu được vô lượng đức. Câu dưới trở lại ý ấy nên có thể biết.

Lượt ba: Từ câu “Vô lượng là một, nên sự dung thông càng lớn rộng” tiếp xuống: Biện minh về sự cùng thành tựu mà không mất tướng gốc. Do vô lượng là một, nên dung thông mà không làm mất tướng gốc, càng trở nên rộng lớn như thể có hai. Do một là vô lượng, nên có thể dẫn tới tầng tầng lớp lớp. Chẳng làm mất tướng duy nhất nên có thể hội nhập.

- Sở từ câu: “Cho nên đại sĩ Thế Thân dùng tính chất viên dung của sáu tướng” tiếp xuống: Là phần thứ ba (của đoạn B nơi đoạn sáu: Dẫn chứng. Đây là dẫn chứng về Luận. Sáu tướng tức Tổng, Biệt, Đồng, Dị, Thành, Hoại. Do đây nên có được việc nêu lên một mà thấu gồm toàn thể. Đến phần dưới sẽ diễn rộng rõ thêm.

Tiếp theo, cho rằng: “Văn của trên dưới chẳng phải là một” tức là nêu dẫn cả đôi về kinh, Sở giải. Nếu đối chiếu với kinh thì chỉ là văn tiếp theo. Còn như đối chiếu với văn của Sở giải thì chỉ chung cho phần trên, dưới của một kinh.

**7. Đoạn bảy:** Sở “Thất thuyết thắng hạnh” (Bảy là nói về hạnh thù thắng) Văn của Sở giải cũng gồm hai phần: Trước, nêu rõ về đại ý, sau là chia chương giải thích.

a) Trong phần trước, hai câu đầu (Muốn lên đến quả vị Diệu Giác, thì phải tu hành mới lên được) là dựa vào giáo pháp để giải thích rõ. Hai câu sau (Nên người quân tử đừng lo không có chức vị, chỉ lo mình không đứng vững được) là dẫn sự việc bên ngoài để chứng minh. Tức là dẫn nơi sách Luận Ngữ. Hai câu sau của đoạn ấy nơi sách Luận Ngữ viết: “Đừng lo không ai biết mình, chỉ mong sao mình có tài đức để cho người ta biết đến” (Luận Ngữ, Thiên Lý Nhân, đoạn mười bốn, theo bản dịch của Nguyễn Hiến Lê). Bao Thị chú giải: “Cầu đạo tốt đẹp mà

học tập thực hành, thì người ta biết đến mình”. Nay ở đây dẫn chứng với ý là “Cầu vi khả tri” (mong sao mình có tài đức để cho người ta biết đến) cùng “Chỗ có thể đứng vững”, đều là sự thực hành. Hai câu trên (nơi sách Luận Ngữ: Đừng lo không có chức vị, chỉ lo không đủ tài đức để nhận chức vị) là sự thực hành để thành được chức vị (quả vị) hai câu sau (như vừa dẫn trên) là thực hành để có được danh tiếng. Nay do dẫn chứng về quả vị, nên chỉ nêu dẫn hai câu đầu thôi.

b) Sở từ câu: “Hành cũng có hai thứ” tiếp xuống: Là phần chia chương giải thích: Trước giải thích, Sau dung hợp.

- Trong phần trước (giải thích), nơi đoạn biện minh về sự thành tựu tức khắc (đốn thành chư hành), thì trước là chính thức biện minh, sau là dẫn chứng.

Nói: “Một đoạn trừ thì tất cả đều đoạn trừ” tức cùng lấy ra từ đoạn: “Một bị chướng ngại thì tất cả bị chướng ngại. Một tu tập thì tất cả đều tu tập. Một chứng đắc thì tất cả chứng đắc.” Vì thế nơi phẩm Phổ Hiền Hạnh, đầu tiên nói về mười câu, nếu thành tựu mười câu ấy thì thành tựu tức khắc năm mươi hai thứ Hạnh thù thắng. “Một niệm, tâm giận khởi, trăm vạn cửa chướng mở”. Cho nên trong phần kệ có đoạn:

*“Các kiếp chẳng thể nêu  
Tức là trong khoảng khắc  
Chớ thấy dài cùng ngắn  
Pháp sát na, cứu cánh”.*

Đều do tính chất viên dung. Cho nên nơi phẩm Diệu Nghiêm nói:

*“Vô lượng môn trong một pháp môn  
Vô lượng ngàn kiếp nêu như thế (trong một kiếp)  
Diễn nói nghĩa rộng của pháp môn  
Biến khắp Quang Thiên đều thấu đạt”.*

- Sở từ câu: “Hai là các hạnh thành tựu khắp” tiếp xuống: Là giải thích hành bố từ khởi đầu đến chung cuộc, cho nên nói “Cho đến”. Tức là đối tượng hành hóa của năm thứ quả vị đều thâm nhiếp ở đây. Tâm Bồ-đề là khởi đầu. Thể tức là ba Tâm: Một là Trực tâm, là tâm chánh niệm về pháp chân như, tức là trí tuệ rộng lớn dứt hết mọi chấp trước. Hai là Thâm tâm, là tâm ưa thích tu tập tất cả các hạnh thiện, tức là đại nguyện, nghĩa là bốn thế nguyện rộng lớn. Ba là Đại Bi tâm, là tâm cứu giúp tất cả chúng sanh bị khổ bức. Quyển thứ bảy mươi tám kinh Hoa Nghiêm nêu rõ: Tâm Bồ-đề là đèn, Đại Bi là dầu, Đại Nguyện là tim đèn. Ánh sáng soi chiếu cả pháp giới. Ánh sáng là Trực Tâm, tim đèn là

Thâm tâm, dầu là Đại Bi tâm. Hầu hết đều lấy ba Tâm làm Thể. Trên cầu đạt quả vị, dưới hóa độ muôn loài. Chiếu soi Lý, phát khởi Hành, đều không ra ngoài chốn ấy.

Nói về Tướng, tức vô tướng là tướng, đồng với tướng của pháp giới, tướng không phân lượng, tướng không có hạn mức.

Nói về công đức: Tức là không đức nào mà không gồm thâu. Mười thứ thí dụ về sự lớn lao trong Phẩm Phát Tâm, trăm môn so sánh cân nhắc, cũng không đạt được một phần nhỏ. Quyển thứ bảy mươi tám rộng dùng các dụ để tán thán, cũng chẳng thể nói hết.

Phẩm Hiền Thủ viết:

*“Như có Bồ tát mới phát tâm  
Thề mong chứng đắc Phật Bồ-đề  
Các công đức ấy không bờ bến  
Không thể nêu lường cùng so sánh”.*

Phẩm Phát Tâm nêu:

*“Công đức phát tâm chẳng thể lường  
Các trí cùng nói không thể hết”.*

Lại nói:

*“Lượng công đức Bồ tát phát tâm  
Ưc kiếp tán dương chẳng thể hết  
Hết thấy Như Lai do đấy xuất  
Độc giác, Thanh-văn đều an lạc”.*

Tất cả đều nói về công đức của sự phát tâm.

Lại nêu:

*“Muốn thấy tất cả Phật mười phương  
Muốn thí vô lượng kho công đức  
Muốn diệt khổ não của chúng sanh  
Phải nên mau phát tâm Bồ-đề”.*

Ba nêu dẫn trên, đều cho thấy phát tâm Bồ-đề là gốc của muôn hạnh.

Nên được nêu rõ ngay từ đầu, tức sự phát tâm ấy liền được gọi là Hành.

- Sở từ câu: “Hai cái ấy đều không ngăn ngại” tiếp xuống: Là phần thứ hai (của đoạn B nêu sự dung hợp, có thể nhận biết).

**8. Đoạn tám** Sở câu: “Tám là chỉ rõ pháp thật”: Văn phần này cũng gồm hai: Trước biện minh tổng quát, sau là chia chương giải thích. Văn hàm chứa nhiều nghĩa, không khác với môn “Nghĩa lý phân tề” bao quát chung cả nhân quả giáo pháp. Ở đây chỉ lược nêu chỗ nghĩa,

lý thâm diệu, cốt lõi, nên dành riêng cho một môn.

**9. Đoạn Chín Số** “Chín là mở ra tánh của nhân”: Văn cũng là hai phần: Trước chung, sau riêng.

- Trong phần nêu chung (trước) thì đầu tiên là chuyển tiếp, sau từ câu “Lương dĩ” (chính là do) tiếp xuống: Là giải thích về tướng chung. Phần giải thích ấy có ba chi tiết:

Một là nêu rõ về nghĩa của nhân: bản hữu là hằng sa đức của Tánh. Bản giác là Trí của Phật không có hai Thể, nên lấy đó làm nhân.

Hai là, Từ câu “Đã tướng biến” (Song tướng biến đổi) tiếp xuống: Là trở lại nói về nghĩa của nhân ấy, do vậy cần phải mở ra. Sở dĩ “Tướng biến đổi Thể thành khác” là do mê chấp chân như trở thành tên gọi, hình tướng. Cho nên “tình dấy sinh, trí bị ngăn cách” là do mất chánh trí mà thành vọng tưởng đôi trên là theo Cảnh, đôi dưới là theo Tâm. Năm pháp đều đầy đủ.

Ba là, Từ câu “kim linh” (Nay khiến cho) tiếp xuống: Là chính thức biện minh về nghĩa của “Mở ra” (khai). Biết rõ tâm là rỗng lặng thì tên gọi, hình tướng mất mà chân Thể hợp. Đạt được gốc là vô trụ thì vọng tưởng tan mà chánh trí sanh. Gốc chân chẳng thể dùng công sức tạo thành, nên công mất mà gốc được. Nguồn sâu chẳng thể dùng hành đạt đến, ắt hành dứt mà nguồn thành. Nếu soi chiếu lặng lẽ cả hai dòng thì tánh của nhân mở ra. Tánh tức là tri kiến. Tri kiến về tánh, tướng đều cùng hiện rõ.

- Từ câu: “Cố đàm” (Nên nói về) tiếp xuống: Là tóm kết về nghĩa mở ra đã xong.

- Số từ câu: “Cũng có hai thứ” tiếp xuống: Là phần hai (của đoạn chín) giải thích riêng.

Câu: “Một là ngôn từ chỉ rõ, hiển bày (Hiển thị) khiến biết đấy là có”:

Là chỉ biện minh về nghĩa của Thị (\*: chỉ ra, chỉ rõ) Như chỉ ra là “Cô gái nghèo mà trong nhà có kho báu”, chưa thấy, chưa đạt được.

Câu: “Hai là khiến cho người tu tập ấy Ngộ nhập nơi hiển thị”: Thì nghĩa chung cho cả Hiển, Thị. Chẳng biết khiến cho biết, gọi đó là Ngộ. Chưa chứng đắc có thể làm cho chứng đắc, xứng đấy là Nhập. Ngôn từ hiển hiện là đối hợp nơi nghĩa mở ra.

Câu: “Như phần quét sạch bụi sao đây” tiếp xuống: Là dẫn kinh để minh chứng.

Kinh nói:

*“Như có quyển kinh lớn*



*Lượng bằng Tam Thiên cõi  
 Hiện ở trong một trần  
 Tất cả trần cũng thế  
 Có một bậc thông tuệ  
 Mắt tịnh thấy thấy rõ  
 Quét bụi quấy kinh hiện  
 Lợi ích khắp muôn loài  
 Trí Phật cũng như vậy  
 Có khắp tâm chúng sanh  
 Do vọng tưởng trói buộc  
 Nên chẳng biết chẳng tỏ  
 Chư Phật đại từ bi  
 Khiến dứt trừ vọng tưởng  
 Như thế mới xuất hiện  
 Chư Bồ tát cứu đời”.*

Tức là nói về nghĩa ấy.

- Số câu: “Chính vì một nhân duyên lớn lao” là dẫn kinh khác (kinh Pháp Hoa) để minh chứng.

Pháp sư đại Thừa (Đại sư Khuy Cơ?) chỉ cho rằng: “thể của sự vật là nghĩa về sự sự” Đạo lý ấy tùy theo ứng hợp đều được. Nay giải thích tóm lược: Không hai, không ba, nên gọi là Một. Nhân Phật, quả Phật nên gọi là Lớn. Nhân, quả thối suốt, khiến vật giải thoát, đều cho là Sự. Nói “Nhân duyên” tức là đức Như Lai nhân nơi ấy duyên ấy nên xuất hiện. Lại nữa, nhân duyên là thuộc việc lớn lao. Nhân chính nơi Phật Tánh là Nhân. Duyên nơi nhân Phật tánh ấy là Duyên. Rõ nhân nơi đối tượng được thông tỏ là nhân. Phát sinh nơi đối tượng sinh là Duyên. Đây tức là đại sự, chung cả nhân quả. Nhân duyên thì chỉ nói về nhân. Nhân tức là nghĩa của chủng tánh. Cho nên kinh ấy (kinh Pháp Hoa) nêu: “Chủng tánh Phật từ duyên khởi. Muôn hạnh là duyên khởi. Chủng tánh Phật ấy thành Bồ-đề”.

- Số từ câu: “Gọi là khai thị” tiếp xuống: Nêu dẫn nghĩa từ kinh kia (kinh Pháp Hoa). Văn của kinh này đầy đủ là: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế nào gọi là chư Phật Thế Tôn, chỉ vì một “đại sự nhân duyên” nên xuất hiện ở đời? Ấy là chư Phật Thế Tôn muốn khiến cho chúng sanh mở ra (khai) tri kiến của Phật nơi chúng sanh, nên xuất hiện ở đời. Muốn khiến cho chúng sanh giác ngộ (ngộ) được tri kiến của Phật, nên xuất hiện ở đời. Muốn chỉ rõ ra (Thị) cho chúng sanh cái tri kiến của Phật, nên xuất hiện ở đời. Muốn khiến cho chúng sanh hội nhập (nhập)

vào nẻo Tri kiến của Phật, nên xuất hiện ở đời. Giải thích rộng như sẽ biện rõ. Giải thích tóm lược thì như đã nêu.

- Sở câu: “Chúng sanh cùng có nên gọi là duy nhất”: Là theo chỗ khó mà giải thích, chỉ giải một chữ thôi.

**10. Đoạn mười:** Sở “Thập lợi kim hậu” (Mười là lợi ích cho hiện tại và mai sau). Văn của phần này gồm hai: Thứ nhất là nối theo phần trước, biện giải tổng quát; Thứ hai, từ câu: “Thử diệc” (đây cũng) trở xuống: Là chia chương, biện minh riêng. Phần thứ hai được chia làm ba chi tiết:

Một là, theo thời gian phân làm hai, có thể nhận biết.

Hai là, từ câu: “Thử ích phục nhị” (Lợi ích này lại có hai) tiếp xuống: Là theo sự thực hành mà phân làm hai.

Ba là, từ câu: “Hựu thử lợi ích” (Lại, lợi ích này) tiếp xuống: Đối hợp với trước để biện giải về sự khác nhau.

Trong chi tiết hai, văn của bản Sở giải viết: “Rốt cuộc là chẳng tiêu v.v...” thì chữ vân vân (đẳng) là dùng cho câu còn lại. Câu còn lại viết: “Cho nên xuyên qua thân ấy hiện ra nơi bên ngoài. Vì sao? Là vì chất kim cương không cùng với những uế tạp của nhục thân đồng ở chung. Ở nơi chỗ của đức Như Lai, vun trồng ít thiện căn, cũng lại như thế. Cho nên xuyên qua tất cả các hành hữu vi nơi thân phiền não, vượt đến nơi chỗ trí tuệ vô vi rốt ráo. Vì sao? Là vì một ít thiện căn ấy, không cùng với tính chất phiền não nơi các hành hữu vi đồng ở chung”.

- Sở từ câu: “Hai là dấy khởi hành để tạo nên sự chứng nhập” tiếp xuống: Văn gồm hai phần: Trước là giải thích sự chứng nhập. Sau, từ câu: “Lương dĩ hữu tác” (chính do có sự tạo tác) tiếp xuống: Là giải thích xong.

Nơi phần trước, văn của bản sở viết: “Cho đến thâm nhập nơi vô lượng cảnh giới của Như Lai”: Tức khoảng giữa của đoạn kinh ấy, nêu: “Thuận theo hết thấy cảnh giới của Như Lai; đầy đủ hết thấy pháp của chư vị Bồ tát, an trụ nơi tất cả cảnh giới của chủng Trí, xa lìa tất cả các pháp của trong thế gian, làm phát sinh tất cả nẻo hành hóa của Như Lai thông đạt hết thấy Pháp tánh của Bồ tát. Đối với chỗ tự tại của Phật tâm không chút nghi hoặc. An trụ nơi pháp “Vô sư”, Thâm nhập nơi vô lượng cảnh giới của Như Lai”. Vậy nên viết là cho đến.

Sở từ câu: “Lại nữa, lợi ích ấy” tiếp xuống: Là chi tiết ba đối hợp với trước để biện giải về sự khác nhau. Sở dĩ phải biện giải như thế cũng là nhằm lựa chọn cái tiêu biểu. Nghĩa lợi ích nơi hiện tại và mai sau hầu như thuận hợp với sự cảm ứng của cơ duyên. Cảm ứng của cơ

duyên cũng có hai đời về cơ duyên, nên như vẫn ở trên đã biện minh theo tính chất hành mà phân làm hai, đã là khác nhau. Trước chỉ dựa theo thời gian. Lại như, sự thuận hợp nơi cơ duyên đa phần dựa theo đối tượng. Còn lợi ích thì hầu hết dựa theo nơi chủ thể. Thêm nữa, sự thuận hợp nơi cơ duyên chỉ là nghĩa riêng, còn lợi ích thì chung cho cả mười nghĩa. Tức là sự khác nhau của chung và riêng. Cho nên đối hợp với chín cái riêng ở trước mà tạo thành mười lợi ích ấy. Trong phần này có hai: Một là đối hợp riêng với trước. Hai là, từ câu: Diệc khả” (cũng có thể) tiếp xuống: Là khai triển chung nơi nghĩa gốc.

Đối hợp riêng với trước: Nơi phần văn của Sở giải nêu ra, thì mười thứ lợi ích ấy xuất xứ nơi phần Chỉ Quy, song thứ tự không đồng. Thứ tự ấy là: Một: Lợi ích của sự thấy nghe (Kiến thức). Hai: Lợi ích của sự phát tâm. Ba: Lợi ích của sự thực hành. Bốn: Lợi ích của sự thu nhiếp quả vị. Năm: Lợi ích của việc mau chóng chứng đắc. Sáu: Lợi ích của việc trừ nghiệp chướng. Bảy: Lợi ích của sự chuyển biến nhanh nhạy. Tám: Lợi ích của sự tu tập. Chín: Lợi ích của sự đạt được tức khắc. Mười: Lợi ích của sự xứng hợp với bản tánh.

Đây là dựa theo tính chất từ cạn đến sâu, tự lợi đến lợi tha. Nhưng đối với thứ tự ấy, nay giải thích thì thuận với chín thứ trước, lần lượt mở ra tính chất cùng sanh khởi, sau có thể thành trước, theo đấy mà nên thứ tự. Tuy nhiên tính chất thấy nghe, thực sự là chung cho nhân của mười thứ lợi ích, nhưng nhằm làm rõ nghĩa riêng, thuận theo phương tiện mà nhấn mạnh hơn nữa sự thù thắng; nên phối hợp theo cách riêng.

Một là do “Pháp nhĩ” nêu bày sự thường hằng, biến hiện khắp, nên có thể tiếp xúc, đối với cảnh giới, trong tất cả thời luôn như Pháp được nhận thức. Văn của kinh được diễn ra, như ở trước đã nêu tóm tắt. Lại như phẩm Xuất Hiện nói: “Này Phật tử! Ví như nơi Tuyết Sơn có loại cây được vương tên là Thiện Kiến. Như có người trông thấy thì mắt được thanh tịnh. Nếu được nghe, thì tai được thanh tịnh. Này Phật tử! Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, là bậc Được vương Vô thượng, cũng lại như vậy. Có thể tạo ra tất cả lợi ích cho chúng sanh. Nếu có người được thấy sắc thân của Như Lai, thì mắt được thanh tịnh. Nếu có người được nghe âm thanh của Như Lai, thì tai được thanh tịnh...”. Lại nói: “Này Phật tử! Ta nay nói cho ông rõ, ví như có chúng sanh, thấy, nghe nơi Phật, do nghiệp chướng trói, che, chẳng sanh sự tin tưởng ưa thích, nhưng cũng là đã gieo trồng thiện căn, không hề uổng phí, cho đến rốt ráo, đều hội nhập nơi nẻo giải thoát.”

Ở trên tuy nêu rõ việc thấy Phật, Phật là Phật của Hoa Nghiêm,

nên lưỡi được nếm Pháp vị vi diệu. Phẩm Hiền Thủ có đoạn: “Pháp ấy là hy hữu, hết mực kỳ diệu! Như người nghe rồi mà có thể chấp nhận, có thể tin tưởng, thọ trì, bày tỏ lời tán dương, như thế là đã làm được sự việc hết sức khó làm.” Phẩm Đâu Suất kệ tán viết:”

*“Như trong mỗi mỗi niệm  
Cúng dường vô lượng Phật  
Chưa rõ pháp chân thật  
Chẳng gọi là cúng dường.  
Nếu nghe pháp như thế  
Chư Phật từ đây sanh  
Tuy trải vô lượng khổ  
Chẳng lìa hạnh Bồ-đề.  
Được nghe trí tuệ lớn  
Pháp chư Phật hội nhập  
Trong khắp cõi pháp giới  
Thành đạo sư ba đời”.*

Như vậy là biết rõ, lợi ích của sự nghe, thấy là hết sức sâu rộng.

- Sở “Lợi ích của sự phát tâm”: Như chẳng được nghe điều ấy thì chẳng thể phát tâm, như có phát tâm thì chẳng đạt được thành tựu tối thắng. Do đây, lúc mới phát tâm, liền thành Chánh giác. Ý nghĩa như đã nêu dẫn ở trước.

- Sở “Lợi ích của sự tu tập”: Tức là nghe được pháp rộng khắp ấy. Liền có thể tu tập, do một hành là hết thấy đều hành. Như trước đã dẫn Phẩm Xuất Hiện, có câu: “Tu hành trong nhiều kiếp, không được nghe pháp ấy thì sự tu hành không đúng nghĩa”.

- Sở “Lợi ích của sự đạt được trong tức khắc”: Như phần dưới nói về sáu ngàn vị Tỳ-kheo, bày tỏ tiếp về việc đạt được nơi mười mắt, còn đồng tử Thiện Tài, chỉ một đời mà làm viên mãn tức khắc các quả vị. Nơi phần đầu của phẩm Pháp Giới, các Bồ tát chứng đắc tức thì v.v... đều như đã nêu dẫn trong phần “Giáo tích”.

- Sở “Lợi ích của việc diệt trừ nghiệp chướng”: Tức là một đoạn trừ là tất cả được đoạn trừ. Như nơi phẩm Tùy Hảo, lời nêu giảng của “Trống Trời” có đoạn: “Chư vị nên phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề, do ba nghiệp sám hối đồng với Pháp giới...” đoạn kết viết: “Nếu nhận biết như vậy, mới là sự sám hối chân thật. Hết thấy các thứ tội lỗi đều được thanh tịnh. Lúc giảng nói về pháp này, trong số lượng thế giới nhiều như số bụi nơi trăm ngàn ức na-do-tha cõi Phật, các vị Thiên Tử của cõi Đâu Suất, đều được Pháp nhãn vô sanh”. Lại nữa: “Chư vị

Thiên tử, do dùng hương, hoa v.v... cúng dường Phật mà thành tựu được lợi ích lớn lao.” Lại nói: “Các đám mây hương ấy, mưa xuống khắp các thế giới nhiều như hạt bụi trong vô lượng cõi Phật. Như có chúng sanh, thân chạm vào thứ hương ấy, thì thân luôn được an lạc, cũng như vị Tỳ-kheo nhập vào cõi Thiên thứ tư, hết thấy nghiệp chướng đều được tiêu diệt. Nếu có người được nghe, thì những chúng sanh ấy, ở nơi sắc, thanh hương vị xúc, bên trong có đủ năm trăm thứ phiền não, bên ngoài cũng có năm trăm phiền não; hành tham nhiều nhất là hai vạn một ngàn, các phần về sân, si... cũng như thế, đều nhận biết rõ đấy thấy là hư vọng. Biết rõ như vậy thì thành tựu được thiện căn “Hương tràng vân tự tại quang minh thanh tịnh”.

Những nêu dẫn ấy đều do thấy ích lợi của sự diệt trừ nghiệp chướng.

- Số “Lợi ích của sự thu nhiếp quả vị”: Như đã biện minh đầy đủ trong phần nói về quả vị ở trước.

- Số “Lợi ích của việc thực hành”: Như Phẩm Phổ Hiền Hạnh nói: “Bậc đại Bồ tát, được nghe pháp này, dù tạo ít phước thiện, cũng mau đạt đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Do một hành là tất cả đều hành, như trong phần bàn về Hành ở trước đã nêu dẫn đủ.

- Số “Lợi ích của việc xứng hợp với bản tánh”: Nghĩa là nương vào pháp phổ cập ấy, hết thấy chúng sanh đều xứng hợp với bản tánh của mình. Nơi biển quả của Phật, mọi lợi ích từ xưa đến nay đều trọn vẹn. Cho nên nơi Phẩm Xuất Hiện viết: “Đức Như Lai khi thành bậc Chánh giác Vô thượng, ở nơi thân ấy, thấy khắp tất cả chúng sanh đều có thể thành bậc Chánh giác, cho đến thấy hết thấy chúng sanh nhập Niết-bàn, đều cùng một tánh, đó là Vô tánh.” Nếu không có sự xứng hợp với bản tánh thì đâu đạt được như vậy.

- Số “Lợi ích của sự chuyển biến nhanh nhạy”: Như lược thứ nhất, Thiên tử Địa Ngục (còn gọi là Thiên tử Đâu Suất) đạt được lợi ích xong, lần lượt thành tựu được ba lược lợi ích, thì hai lược sau tức là “Lợi ích của sự chuyển biến nhanh nhạy”. Còn như phần “Diệt trừ nghiệp chướng” nêu trên, tức là lược thứ hai, cũng là “Lợi ích của sự chuyển biến nhanh nhạy”, do so sánh với nơi chốn riêng biệt, nên gọi là diệt trừ nghiệp chướng. Lược thứ ba nêu rõ: “Như có chúng sanh thấy được “Lọng mây” kia, tức đã gieo trồng hằng hà sa thiện căn “Kim võng chuyển luân vương” thanh tịnh”. “Này Phật tử! Bồ tát trụ nơi ngôi vị Chuyển Luân Vương ấy, ở trong các thế giới nhiều như số hạt bụi nơi trăm ngàn ức Na-do-tha cõi Phật, giáo hóa chúng sanh”. Cho đến: “Như

có người vừa được gặp ánh hào quang ấy, ắt đạt được Quả vị của Bồ tát địa thứ mười, là do diệu lực nơi thiện căn đã tu tập từ trước.” Tất cả đều là “Lợi ích của sự chuyển biến nhanh nhạy”.

- Sở “Lợi ích của sự nhanh chóng chứng đắc”: Như đã biện giải trong phần “Giáo tích” ở trước, nêu rõ trong phần nói về “Một đời mà thành tựu viên mãn quả vị của vô số kiếp”.

- Sở câu: “Cho nên nhân quả chín thứ trước đều là lợi ích của hiện tại” là kết luận.

- Sở câu: “Cũng có thể cho mỗi mỗi thứ ở trước đều thành mười lợi ích “. Đây là ý thứ hai, lại là ý chính, vì ở trên chỉ là sự tùy thuận chỗ thích hợp.

Sở từ câu: “Nhân nơi mười nghĩa nêu trên, nên giáo pháp ấy được hưng khởi” tiếp xuống: Là phần thứ ba (c) (thuộc phần chia đoạn, giải thích của môn thứ nhất: Nhân duyên lập giáo) Kết luận về sự thuộc về, giải thích rõ thêm. Ở đây: Trước là kết luận về sự liên hệ, sau là thích rõ thêm về văn của kinh. Văn của kinh đầy đủ là:

“Về người thuyết pháp ấy, cũng gọi là Pháp tuệ, thấy do thần lực của Phật, do diệu lực nơi bản nguyện của đức Thế Tôn, vì nhằm chỉ rõ giáo pháp của Phật, vì do sự soi chiếu khắp của ánh sáng trí tuệ, vì muốn mở rộng, phát huy ý nghĩa thâm diệu, vì muốn khiến chứng đạt Thể tánh của các pháp, vì nhằm khiến cho chúng hội thấy hoan hỉ, vì nhằm khai thị nhân của pháp Phật, vì muốn đạt được sự bình đẳng của tất cả chư Phật, vì thông tỏ pháp giới là không có hai, nên nêu giảng pháp như vậy.” Mười nhân chỉ nêu lên hai, nên chỉ có chữ vân vân (đẳng)

- Sở câu: “Nhân duyên cùng tham dự”: thần lực là Duyên, các thứ còn lại đều là Nhân, nên gọi là “Cùng xen vào nhau”. Nay lược nêu lên hai, tức có nhân duyên, do Sở giải đối hợp với nhân duyên, nhân duyên để nhận biết nên nói “Có thể cho là hợp lý.”

- Sở câu: “Hai là nêu rõ về duyên của sự thuyết giảng kinh” Văn của bản sơ phân làm hai: Một là nêu dẫn, nói tổng quát, hai là từ câu “nay có mười duyên” tiếp xuống: Là phần chia chương giải thích rõ.

Phần một nêu dẫn, nghĩa là trong sáu thứ thành tựu, thì hai thứ Tín, Văn là thuộc về Tôn Giả A Nan, sau ngày Phật diệt độ, khi kết tập kinh điển, đã nêu ra, chẳng phải duyên của kinh. Bốn thứ thành tựu còn lại (Thời, Chủ, Xứ, Chúng) đều là duyên khởi của kinh. Thuyết giảng ắt dựa vào thời gian (Thời), nên có nơi chốn (xứ). Người thì chung cho cả người nói và người nghe, tức Phật (chủ) cùng với chúng (chúng), bốn

nghĩa gồm đủ.

Hỏi: Luận Đại Trí Độ nói: Nói về thời gian, nơi chốn, người thuyết giảng khiến phát sinh lòng tin. Vì sao nay lại nói là duyên khởi?

Đáp: Trong sáu thứ thành tựu, thì hai cái đầu chỉ thuộc về chứng, tín. Bốn cái sau thì ý nghĩa gồm cả hai. Tôn Giả A Nan dẫn ra là để cho chúng sanh tin là thời bấy giờ, không có cái duyên kia thì giáo pháp ấy chẳng được dấy khởi, nên gọi là duyên khởi. Nay trong mười Duyên đều có đủ bốn thứ thành tựu ấy.

- Sở câu: “Nay có mười duyên” trở xuống là chia chương giải thích. Trong đây trước nêu dẫn, sau là giải thích.

**DUYÊN THỨ NHẤT:** “Nay nói về duyên thứ nhất là dựa vào thời gian” (y thời): Văn của bản Sở giải tiếp theo được chia làm bốn: Một là nêu đại ý; Hai là chia chương giải thích; Ba là dung hợp; Bốn là bàn rộng như phần Chỉ quy: “Một câu nêu ra cội nguồn của pháp.”

Phần một đại ý gồm hai chi tiết: Trước là tạm xua bỏ phần “Dấu vết” để làm hiển lộ cái thật. Sau là, dựa theo đức để làm hiển lộ sự viên mãn. Trong phần trước Sở câu: “Phàm, tâm ứng hợp một cách sâu xa với đạo lớn thì xưa nay hòa lẫn làm một”: Đây là theo Người để làm hiển lộ Thật. Tâm cùng với lý khế hợp một cách sâu xa, thì không còn có hình tướng của xưa nay. Đại sư Tăng Triệu nói: “Xưa nay chung cả đầu cuối, đồng với chỗ tận cùng của gốc ngọn, thấy đều mệnh mông, chung một” Đại sư Đạo Sinh, nơi sách Pháp Hoa số, thì nói: “Xưa cũng là nay. Nay cũng là xưa.”

- Sở câu: “Pháp giới không sinh”: Là theo Pháp để làm hiển lộ cái Thật. Có sinh khởi thì thuộc về ba đời, tức có thời gian; không sinh khởi thì không có sát na, đâu có việc phân chia thời gian. Phẩm Xuất Hiện nói:

*“Chân như là vọng, luôn tịch tĩnh  
Không sanh không diệt, hiện hữu khắp...”*

- Sở câu: “Kệ của phần kinh tiếp dưới có câu”: Là phần tiếp theo dẫn kinh, nêu tóm lược về người để minh chứng, tức là kệ của Bồ tát Bảo Tràng nơi phẩm “Đâu Suất”. Đoạn kệ ấy đủ là:

*“Chúng sanh, nêu như thế  
Ngày ấy Phật thành đạo  
Như Lai đạt Bồ-đề  
Thật chẳng tính ngày tháng”.*

Phẩm Pháp Giới viết:

*“Trí tuệ Bồ tát diệt pháp luân*

*Xa lìa hết thấy lưới phân biệt  
Vượt khỏi tất cả núi chướng ngại  
Chẳng thể dùng ngắn dài sanh tử  
Nhiệm tịnh số kiếp nêu rõ được”.*

Nói chung, văn ấy chẳng phải là một.

- Sơ câu: “Huống chi, nói theo nẻo không bến bờ” Là chi tiết sau, dựa theo đức để làm hiển lộ sự viên mãn. “Nói về nẻo không bến bờ” thì chiều dọc là nhấn mạnh về thời gian lâu dài. Cho nên phần Chỉ Quy nêu rõ: “Nói về sự thường hằng, có phần trước sau mà không bờ bến.

Câu: “Niệm và kiếp cùng dung hợp viên mãn”: Là nêu theo một niệm tức chẳng thể cùng tận. Một niệm là vô lượng kiếp. Vô lượng kiếp tức là một niệm. Cho nên nói như thế. Một niệm tức nhiều kiếp, thì sao có thể phân định dài ngắn?

- Phần hai, chia chương giải thích: Từ câu: nay dùng thời gian của không có thời gian, làm hiển lộ một cách tóm lược về mười lớp thời gian riêng biệt”: Trở xuống giải thích. Trong phần này gồm ba: Một: Hai câu trên vừa dẫn là nêu ra. Hai: Từ chữ “Sơ duy” (đầu tiên chỉ là) tiếp xuống là giải thích. Ba: Từ chữ ư (đối với) tiếp xuống: Là kết luận.

**Giải thích:** “Đầu tiên chỉ là một niệm”: Nghĩa là ở trong khoảng khắc một sát na, biến hiện khắp vô tận xứ để thuyết giảng vô biên pháp.

Câu: “Hai là hết bảy ngày”: Tức là khi mới thành đạo, trong bảy ngày đầu là tự thọ nhận pháp lạc lớn lao. Pháp lạc lớn lao ấy là sự an lạc của trí tuệ tịch tĩnh. Trong bảy ngày lần hai là thuyết giảng tức thời Kinh này. Do đâu mà mới thành Chánh giác liền nêu giảng về kinh này? Là do Kinh này là hơn hết. Nếu lấy sự mới thành tự bậc Chánh giác biểu thị cho sự hơn hết, thì trong bảy ngày trước hết ấy vì sao không giảng nói?

**Luận viết:** “Tư duy hành thì nhân duyên hành”. Nhân là trí của chủ thể thuyết giảng. Duyên là căn cơ của đối tượng được giáo hóa. Sắp sửa nêu giảng cái diệu pháp mà mình (Phật) đạt được, hòa hợp với căn cơ của muôn vật Pháp, nên gọi là “Tư duy hành”.

- Sơ câu: “Ba là biến hiện khắp ba thời”: Nghĩa là hết thấy thời trước, sau, đều là vô biên kiếp, thường hằng biến hiện khắp để diễn nói Kinh này. Đầu tiên và không hề dừng nghỉ. Ba điều vừa dẫn trên là dễ hiểu nên phần Sơ giải chỉ nêu ra tên gọi mà thôi.

- Sơ câu: “Thâu nhiếp kiếp cùng loại” tiếp xuống: Do ý nghĩa có chút ít Ẩn khuất nên đều có thêm chữ vào. Phần “Chỉ Quy” chỉ nêu:



“Bốn là thu nhiếp cùng loại. Năm là gồm thâu kiếp khác loại. Sáu là dung niệm thâu tóm kiếp. Bảy là kiếp, niệm lại thâu tóm nhau. Tám là cảnh giới, thời gian khác loại. Chín là đây kia cùng hòa nhập. Mười là lấy gốc thâu tóm ngọn. Nay tăng thêm một chữ thì nghĩa để nhận thấy, nên chẳng giải thích, chỉ giải thích lớp thứ mười.

Nói “Thâu nhiếp kiếp cùng loại” là ở nơi vô biên kiếp về trước thấy đều thâu nhiếp cùng loại. Như “Kiếp dài” thì chỉ thu nhiếp với “Kiếp dài”, “Kiếp ngắn” thì chỉ thu nhiếp với “Kiếp ngắn” v.v...

- Số câu: “Năm là gồm thâu kiếp khác loại”: Nghĩa là “Kiếp dài” thu nhiếp “Kiếp ngắn” v.v...

- Số câu: “Sáu là dùng niệm để thâu tóm kiếp”: Tức là ở trong một niệm liền thâu tóm vô biên kiếp đồng loại khác loại. Niệm niệm đều như vậy.

- Số câu: “Bảy là kiếp, niệm lại thâu tóm nhau” Ở đây, trong phần kiếp được niệm thu nhiếp đã nêu trên, đều lấy niệm tạo thành kiếp, mỗi mỗi niệm cũng đều thâu tóm các kiếp. Đó là niệm niệm đã thể hiện sự bất tận, thì kiếp kiếp cũng lại chẳng cùng. Như lưới nhân Đà La trùng trùng vô tận.

- Số câu: “Tám là cảnh giới, thời gian khác loại”: Bảy lớp kể trên đều dựa theo một loại thế giới, như nay nói về thế giới ta Bà cùng một loại; nay biện giải về hình tướng của cây cối, sông suối v.v... nơi vô biên cõi khác loại. Cõi đã giống như xứ, nhưng có chẳng đồng thời, cũng đồng thời, mà mỗi mỗi đều có giới hạn, trình độ sai biệt. Tận cùng hết các phần thời gian ấy đều luôn giảng nói kinh này.

- Số câu: “Chín là đây kia cùng hòa nhập”: Tức là, nơi cảnh giới khác loại kia (bỉ), với mọi thời, kiếp hiện có, cũng đều được gồm thâu hết mọi vẻ riêng biệt. Hoặc cảnh giới thời gian, thời gian đồng loại, khác loại đều hỗ tương thâu tóm, hội nhập. Hoặc niệm, hoặc kiếp, trùng trùng vô tận. Đồng với các lớp bốn, năm, sáu, bảy: Ở nơi các thời kia, luôn thuyết giảng kinh này.

- Số Câu: “Nghĩa là lấy “Phi kiếp” cho là kiếp”, do lớp thứ mười khó nhận thấy, nên phải dùng câu ấy để giải thích”: cho “Phi kiếp” là Gốc, Kiếp tức là ngọn. Nói “Phi kiếp” tức là lìa mọi sự phân chia giới hạn. Như thế giới của Hoa Nghiêm, lấy “phi kiếp” làm kiếp, kiếp là “Phi kiếp”. Về niệm cũng như thế. Do thời gian không có dài ngắn, lìa mọi sự phân hạn. Do lìa mọi sự phân chia thời gian nói về kiếp ấy; do thời gian không có Thể riêng, dựa nơi pháp để lập ra như trên đã nêu. Pháp đã dung thông thì thời gian cũng thuận theo đấy. Phẩm Ly Thế



Gian có câu: “Bồ tát Ma-ha-tát, biết rõ kiếp tất cả tức là “Phi kiếp” mà giảng nói chân thật về số lượng kiếp. Đó là trụ vô ngại thứ sáu.” Cho nên nói “Phi kiếp” là kiếp. Ở nơi vô lượng kiếp của thời gian trước, luôn giảng thuyết về Hoa Nghiêm.

- Phần ba: Dung hợp. Sở câu: Từ câu: “Lại nữa, mười lớp ấy, theo một mà thâm tóm viên mãn”, trở xuống được chia làm ba chi tiết: Một: Hai câu vừa dẫn trên là chính thức dung hợp. Hai: Từ câu: “Dựa vào sự nêu giảng về thời gian ấy thì không có đầu cuối” tiếp xuống: Là làm thông suốt chỗ vướng mắc do vấn nạn. Đây là nhắc lại chỗ nghi vấn đã nêu ở trước: “Đã không có đầu cuối, thì sao lại có cái đầu của mới thành bậc Chánh giác và cái cuối của chín Hội thuyết giảng kinh?”. Từ câu: “Cũng tùy theo chỗ thấy nghe” tiếp xuống: Là giải thích rõ, cho nên văn của bản Sở giải đã nêu rõ chung cho phần trước. Lại như phần này, tức là biến pháp vô biên. Do phần dưới đều tóm kết chung không có sự giới hạn, khác biệt, nên một phần tức là nói về tất cả.

- Sở câu: “Như dựa vào thời gian ấy” tiếp xuống: Là chi tiết thứ ba làm hiển lộ chủ thể thù thắng. Trong phần này có ba: Một là lựa chọn cái khác để làm rõ sự thù thắng. Hai là từ câu: “Mà giáo pháp còn lại” tiếp xuống: Là kết hợp cái khác để làm hiển lộ sự thù thắng. Ba là từ câu: “Hoặc nói” tiếp xuống: Thông suốt lần nữa về chỗ vướng mắc do vấn nạn.

Vấn nạn nêu: “Kia có ba bảy, sáu bảy v.v... sự khác nhau, làm sao cho là “Chẳng ra ngoài đều này”? Cho nên đã thông rằng: “Đều là thời gian của kinh này, tùy theo chỗ thấy, nghe”.

